

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Gỗ Quốc Gia – Chi nhánh Quảng Trị về
việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và trình phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy
phép môi trường của dự án Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đông
Hà tại Tờ trình số: 1548/TTr-PTNMT ngày 27/12/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Gỗ Quốc Gia – Chi nhánh Quảng Trị, địa chỉ tại Cụm Công nghiệp Quốc lộ 9D, Phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án “Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm Công nghiệp Quốc lộ 9D, Phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0110110710-002, đăng ký lần đầu ngày 31/10/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

1.4. Mã số thuế: 0110110710-002

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Viên gỗ nén.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích khu đất là 19.540 m² tại Cụm Công nghiệp Quốc lộ 9D, Phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Công suất: 5.000 tấn viên gỗ nén/tháng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Gỗ Quốc Gia – Chi nhánh Quảng Trị có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, UBND Phường 4 nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm PT CCN-KC&DVCI TP;
- UBND phường 4;
- Công ty TNHH Gỗ Quốc Gia – Chi nhánh Quảng Trị;
- Cổng Thông tin điện tử TP Đông Hà;
- Lưu: VT, PTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Trong

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Dự án: Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **10** /GPMT-UBND ngày **28** tháng **12** năm 2023
của UBND thành phố Đông Hà)

1. Nội dung cấp phép xả thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của 33 CBCNV.
- Nguồn phát sinh nước thải sản xuất: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết nguyên vật liệu.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, định kỳ thuê đơn vị chức năng hút cặn và đưa đi xử lý định kỳ 2 năm/lần. Nước sau xử lý sẽ được đầu nối về cống thoát nước chung cụm công nghiệp. Tọa độ X = 1857668.59m; Y = 585864.88m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 30, KKT 106⁰15').

- Nước thải sản xuất: Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa nguyên liệu sẽ được thu gom bằng hệ thống bể lắng, lọc trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của cụm công nghiệp. Tọa độ X = 1857703.62 m; Y = 585946.27m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 30, KKT 106⁰15').

1.3. Lưu lượng xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng lớn nhất 3,3 m³/ngày.đêm.
- Nước thải sản xuất: Nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực bãi nguyên liệu: 50 m³/ngày.đêm.

1.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

1.5. Chế độ xả nước thải: Không liên tục

1.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	pH	-	5,5 - 9

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000

- Nước thải sản xuất: Nước mưa chảy tràn qua bãi nguyên liệu sau khi qua hệ thống xử lý đạt cột B của QCVN 40:2021/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn trong nước thải sản xuất

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2021/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	6-9
2	Nhiệt độ	mg/l	40
3	BOD	mg/l	40
4	COD	mg/l	90
5	TOC	mg/l	50
6	TSS	mg/l	80
7	Tổng Nitơ	mg/l	30
8	Tổng Photpho	mg/l	5
9	Coliform	MPN/mL	3.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được thu gom từ ống nhựa về bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 12m³ để xử lý. Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút hầm vệ sinh.

- Nước thải sản xuất: Nước mưa chảy tràn qua bãi nguyên vật liệu được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý bao gồm các bể lắng, lọc để xử lý trước khi thoát ra

theo hệ thống thoát nước chung của nhà máy (02 bể lắng, mỗi bể có thể tích 20m³; bể lọc có thể tích 12m³).

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Do chủ dự án tự quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 6 tháng (Chủ dự án gửi thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu: Giai đoạn ổn định (03 ngày liên tục), đối với nước thải sinh hoạt: 03 mẫu tại điểm đầu nối cống thoát nước cụm công nghiệp; đối với nước thải sản xuất: 03 mẫu đầu vào (tại bể lắng thứ nhất) và 03 mẫu đầu ra (sau khi qua bể lọc).

- Thông số và giới hạn cho phép: Theo Bảng 1 và Bảng 2 Phụ lục 1.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT; nước thải sản xuất đạt cột B, QCVN 40:2021/BTNMT.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Dự án: Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **10** /GPMT-UBND ngày **28** tháng **12** năm 2023 của UBND thành phố Đông Hà)

1. Nội dung cấp phép xả thải

1.1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ lò đốt.

1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải: Từ hoạt động đốt củi qua hệ thống xử lý dẫn theo đường ống khói cao 20 m thoát ra môi trường.

Vị trí xả khí thải: Tại vị trí ống khói. Tọa độ X = 1857797.31 m; Y= 585950.01m (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 30, KKT 106⁰15').

Lưu lượng phát sinh lớn nhất: 8.000 m³/giờ.

Phương thức xả thải: Xả thải tập trung qua ống khói.

Chất lượng xả ra môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=1)

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải: Khí thải từ lò sấy (Lò sấy được bố trí máy thổi cung cấp thêm Oxy để tăng khả năng cháy) → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống khói cao 20m → Xả ra ngoài môi trường. Công suất thiết kế lò đốt: 10.000m³/giờ.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Do chủ dự án tự quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 6 tháng (Chủ dự án gửi thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu: 01 vị trí tại ống khói sau khi qua hệ thống xử lý.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp.

- Thông số quan trắc: Bụi, lưu lượng, SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn so sánh: (cột B) QCVN 19:2009/BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh khí thải phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần 1 phụ lục này.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phụ lục này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **10** /GPMT-UBND ngày **28** tháng **12** năm 2023
của UBND thành phố Đông Hà)

1. Đảm bảo giới hạn về tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Hoạt động của băm dăm, nghiền, ép, máy phát điện, xe vận chuyển nguyên liệu.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn là 70 dBA (từ 6 giờ - 21 giờ); độ rung là 75 dB (từ 6 giờ - 21 giờ).

2. Các công trình bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

2.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bảo dưỡng và thay thế phụ tùng thiết bị theo định kỳ.
- Kiểm tra định kỳ về mức độ ồn, rung trong các công đoạn băm gỗ, nghiền tươi, nghiền khô nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động).
- Xây dựng nhà xưởng theo đúng tiêu chuẩn thiết kế, chấp thuận đầu tư.
- Lắp đặt các máy móc, thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung

Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN:24/2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Tổ hợp chế biến gỗ Quảng Trị

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10 /GPMT-UBND ngày 28/12/2023
của UBND thành phố Đông Hà)*

1. Quản lý chất thải

1.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh gồm: Dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn, pin, ắc quy, hộp mực in hỏng ước tính 5-10 kg/tháng.

Chủng loại, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh gồm: Vỏ đồ hộp, các chất hữu cơ, bao bì nilon, chai nhựa,...; ước tính khoảng 10kg/ngày.

Chủng loại, khối lượng, chất thải rắn sản xuất gồm: Chất thải rắn từ hồ ga lược rác, trong hệ thống xử lý, thoát nước mưa chảy tràn; chất thải rắn từ lò đốt, bụi từ hệ thống xử lý khí thải ước tính khoảng 25 kg/ngày.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Thu gom, phân loại vào thùng chứa có dán nhãn, tập kết tại kho chứa chất thải nguy hại có mái che được bố trí tại nhà máy; định kỳ hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại rác thải tại nguồn, bố trí các thùng chứa để thu gom, lưu giữ; hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý hàng ngày.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp: Phân loại rác thải tại nguồn, bố trí các thùng chứa và khu vực tập kết đảm bảo các yêu cầu về môi trường; định kỳ tiến hành vệ sinh kho bãi, nhà xưởng; chất thải mùn gỗ và đất cát lắng đọng, tro xỉ... thu gom vào các thùng chứa, hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý.